

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2022/DS-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Cao Trí;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2022/TLST – DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1987. Trú tại ấp B Th, xã B Ch, huyện CP, tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Hữu B, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị D, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp B Th, xã B Ch, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Do quen biết nên ngày 05/11/2021 ông H có cho bà D ông B vay số tiền 16.960.000đ, lãi suất 3%/tháng, thoả thuận miệng 03 tháng trả vốn, khi vay bà D nói vay để làm vốn xoay sở làm ăn trong gia đình. Từ khi vay đến nay bà D, ông B không trả vốn lãi. Yêu cầu bà D, ông B trả vốn 16.960.000đ, trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 05/11/2021 đến khi giải quyết xong vụ án, tại Biên bản hoà giải ngày 16/11/2022 ông H xin rút lại yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là biên nhận nợ ngày 05/11/2021.

Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị D tại Biên bản hoà giải trình bày: Bà D không có vay tiền của ông H, nợ này là do khoảng năm 2021 bà D cầm vàng tại tiệm của ông H quá thời hạn không chuộc lại nên ông H hoá giá vàng trừ vào vốn cầm vàng và còn nợ lại 16.960.000đ là tiền lãi nên ông H kêu bà D ký vào biên nhận còn nợ 16.960.000đ. Nay bà D thừa nhận còn nợ ông H 16.960.000đ theo biên nhận nợ ngày 05/11/2021 nhưng đang gặp khó khăn xin trả dần mỗi tháng 300.000đ. Đối với yêu cầu liên đới với chồng bà là ông Thái Hữu B cùng trả nợ này, bà D không đồng ý vì nợ này là do bà thực hiện với ông H, ông B không hay biết, việc bà D cầm vàng và thiếu nợ này của ông H là do bà mang tiền đi châu hụi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn: Không có

Đối với bị đơn ông Thái Hữu B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông B vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông B, bà D vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị D, ông Thái Hữu B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền vốn vay 16.960.000đ. Về lãi suất, đề nghị đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn do rút yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Phước H yêu cầu ông Thái Hữu B, bà Lê Thị D trả số tiền vốn vay 16.960.000đ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Thái Hữu B, bà Lê Thị D có hộ khẩu thường trú tại xã B Ch, huyện CP, tỉnh An Giang. Ông H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Thái Hữu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày ngày 05/11/2021 có cho bà D, ông B vay số tiền 16.960.000đ để làm vốn làm ăn trong gia đình, khi vay có làm biên nhận nợ do bà D ký tên, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận 03 tháng trả. Sau khi vay đến nay bị đơn không trả vốn lãi, nay yêu cầu bị đơn trả vốn 16.960.000đ. Bị đơn bà D cho rằng đây là tiền lãi do trong năm 2021 bà D có cầm vàng tại tiệm vàng của ông H nhưng không đóng lãi, H hoá giá vàng trừ vào vốn, nên còn nợ lại 16.960.000đ là tiền lãi. Nay bà D thừa nhận còn nợ ông H số tiền 16.960.000đ, nhưng đang gặp khó khăn xin trả dần mỗi tháng 300.000đ. Xét, việc vay giữa ông H và bà D là trên thực tế có xảy ra theo biên nhận ngày 05/11/2021 và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, tuy là bà D không thừa nhận là nợ vay,

cho rằng đây là lãi tiền cầm vàng nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được ông H công nhận, nhưng bà D vẫn thừa nhận hiện có nợ ông H 16.960.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án ông H xin rút lại yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới của các bị đơn

Ông H yêu cầu ông Thái Hữu B, bà Lê Thị D liên đới trả nợ vay vì nợ này bà D vay để làm ăn lo trong gia đình, chơi hụi. Bà D thống nhất nợ này bà châu hụi, chồng bà không biết nên xin chịu trách nhiệm trả nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay là do bà D trực tiếp giao dịch với ông H, nhưng việc vay này thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà D và ông B, diễn ra trong một thời gian dài, mục đích vay làm vốn mua bán, châu hụi nhưng hụi này bà D chơi mục đích để sinh lời phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông B nhưng ông B không có ý kiến trình bày, điều đó mặc nhiên ông B đã thừa nhận trách nhiệm của mình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần buộc ông B có nghĩa vụ liên đới với bà D trả tiền cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Ông B, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông H tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Điều 470, của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H.

Buộc ông Thái Hữu B và bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền 16.960.000đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H về yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Ông Thái Hữu B và bà Lê Thị D cùng phải chịu 848.000đ (Tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Phước H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông H số tiền 424.000đ (Bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004921 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ